

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2017/HNGĐ-ST

Ngày 08/9/2017

V/v “Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Lâm Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Xa Văn Nho.

Ông Nguyễn Trung Thành.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Ân - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh: Ông Nguyễn Huy Bình, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2016/TLST-DSST ngày 07 tháng 7 năm 2016 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1970; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn H2, sinh năm: 1968; có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 3, thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Vũ Kim A, sinh năm 1976; có mặt.

2/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; có mặt.

Cùng trú tại: Xóm 3, thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bắc H4, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ. CMND số 210358654 (theo QĐ số 2062/QĐ-PC ngày 20/12/2012 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T về việc ủy quyền tham gia tố tụng.); Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Ông Đ ủy quyền lại cho bà Phạm Thị Diễm M - Trưởng phòng quản lý rủi ro, theo văn bản ủy quyền số 2347/UQ-BIDV.QN ngày 08/11/2016; bà M có mặt.

Địa chỉ: 56 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4/ Ngân hàng C Việt Nam - phòng giao dịch Sơn Tịnh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng S - Phó giám đốc phòng giao dịch; xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5/Hợp tác xã N; có mặt.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn A1 – Giám đốc hợp tác xã.

Địa chỉ: Xóm 7, thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

6/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1972.

Bà Lê Thị H ủy quyền cho ông Trần Minh T2 tham gia tố tụng tại phiên tòa (Theo giấy ủy quyền ngày 07/9/2017); ông T2 có mặt.

Địa chỉ: Đội 2, thôn H, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

7/ Ông Bùi Đức H3, sinh năm 1974; có mặt.

Địa chỉ: Đội 12, thôn H, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn H2: Luật sư Phan Thanh V - Văn phòng luật sư Quốc Ân thuộc đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Phan Thanh V có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: 301 đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/6/2016; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/6/2017; tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn H2 đã ly hôn vào ngày 05/4/2016 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2016/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, khi giải quyết ly hôn thì tài sản chung giữa bà với ông H2 tự thỏa thuận giải quyết, nhưng sau khi ly hôn bà với ông H2 không tự giải quyết được về tài sản chung, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung gồm: Nhà cấp 4 làm trên diện tích đất 140m², giá trị đất 350.000.000 đồng, giá trị nhà 50.000.000 đồng. Hiện đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn H2; Xưởng làm đồ mộc lợp tôn, trụ bê tông xây dựng trên diện tích đất 400m² (thuê của Hợp tác xã G) giá trị khoảng 50.000.000 đồng, 01 Máy lọng trị giá 15.000.000 đồng, 01 máy liên hợp trị giá 15.000.000 đồng, 01 máy Tôbi trị giá 15.000.000 đồng, 01 Máy bắn đinh và các phụ kiện khác giá trị 13.000.000 đồng, 02 Bộ bàn salon giá trị 70.000.000

đồng, 01 Tủ Bích phê, 02 Tủ đựng quần áo giá trị 25.000.000 đồng, 01 Máy xay cầm tay giá 10.000.000 đồng, về gỗ: 01m³ gỗ Cẩm Lai trị giá 150.000.000 đồng, 01m³ gỗ Hương trị giá 120.000.000 đồng, 03m³ gỗ Mít trị giá 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 933.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung gồm các tài sản mà Hội đồng định giá ngày 25/11/2016 với tổng giá trị là 481.547.100 đồng.

* Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Ngãi phòng giao dịch Lê Trung Đình số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 31.745.833 đồng, gốc và lãi là 231.745.833 đồng; Nợ Ngân hàng C- phòng giao dịch Sơn Tịnh số tiền gốc là 57.077.683 đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 3.479.900 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 60.557.583 đồng; nợ ông Bùi Đức H3 số tiền 12.000.000 đồng; Nợ Hợp tác xã Nông nghiệp G 7.200.000 đồng; nợ bà Vũ Kim A số tiền 8.818.400 đồng; nợ chị Nguyễn Thị T 8.818.400 đồng.

Bà H1 yêu cầu chia cho bà và ông H2 mỗi người nhận ½ giá trị tài sản và mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ số nợ.

Đối với số tiền ông H2 mượn của bà Lê Thị H 15.000.000 đồng ngày 22/01/2016 là nợ riêng của ông H2, nên ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ tự trả cho bà Lê Thị H số tiền này.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2016, các đơn báo cáo, đơn phản tố ngày 29/8/2016; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/6/2017; tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn H2 trình bày:

Vào tháng 4/2016 ông và bà H1 đã được giải quyết ly hôn theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh. Sau khi ly hôn bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, trong số các tài sản bà H1 kê ông xác định không có 02 Bộ bàn salon mà chỉ có 01 bộ bàn salon, gỗ Cẩm lai chỉ có 0,168m³ và 08 Tấm ván gỗ cẩm (40x70), Gỗ hương chỉ có số lượng 0,3m³ đã xẻ thành phẩm, nhưng cả gỗ Hương và gỗ Cẩm lai đều đã bị bà H1 tẩu tán; còn gỗ Mít chỉ có 02m³ hiện nay đang còn, 01 lục bình mặt gỗ Gõ giá trị 15.000.000 đồng bà H1 đã tẩu tán không còn.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn H2 chỉ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung gồm các tài sản mà Hội đồng định giá ngày 25/11/2016. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng mà Hội đồng định giá tài sản đã định giá ngày 25/11/2016 với tổng giá trị là 481.547.100 đồng, ông xin nhận bằng hiện vật và có trách nhiệm T toán các khoản nợ chung, sau đó chia cho bà H1 ½ giá trị tài sản chung còn lại.

Về nợ chung:

Ông thống nhất có nợ Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Ngãi phòng giao dịch Lê Trung Đình số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 31.745.833 đồng; Nợ Ngân hàng C- phòng giao dịch Sơn Tịnh số tiền gốc là 57.077.683 đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 3.479.900 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 60.557.583 đồng; nợ ông Bùi Đức H3 số tiền 12.000.000 đồng; Nợ Hợp tác xã Nông nghiệp G 7.200.000 đồng. Ông và bà H1 mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

Ông không thống nhất nợ chị Vũ Kim A số tiền 8.818.400 đồng và nợ chị Nguyễn Thị T 8.818.400 đồng, vì ông không biết gì đến 02 khoản vay này.

Ngoài ra, đối với số tiền ông mượn bà Lê Thị H 15.000.000 đồng ngày 22/01/2016 để mua máy tính cho con, nay bà H yêu cầu ông trả, ông có nghĩa vụ tự trả cho bà Lê Thị H số tiền này.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 12/10/2016, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/6/2017; tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T bà Phạm Thị Diễm M trình bày:

Vào năm 2015 Ngân hàng đã cho ông Nguyễn H2, bà Nguyễn Thị H1 vay vốn ngắn hạn để bổ sung vốn kinh doanh theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/7799269/HĐTD cho vay ngày 03/9/2015, thời gian vay 11 tháng, số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/ năm, ngày đến hạn 03/8/2016.

Để đảm bảo khoản vay, khách hàng đã dùng tài sản là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số Q356793, thửa đất số 653, tờ bản đồ 17 xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7799269/HĐDB ngày 03/9/2015 và hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2015/7799269/HĐDB ngày 03/9/2015. Trong quá trình vay ông H2, bà H1 đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, toàn bộ số dư nợ đã chuyển sang quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H2, bà H1 phải trả tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 08/9/2017, nợ gốc: 200.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 31.745.833 đồng, tổng số tiền gốc và lãi đến ngày 08/9/2017 là 231.745.833 đồng.

Tại đơn yêu cầu ngày 23/01/2017; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/6/2017; người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C- Phòng giao dịch Sơn Tịnh ông Nguyễn Hoàng S trình bày:

Ngày 15/3/2011, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Sơn Tịnh cho hộ bà Nguyễn Thị H1 và người thừa kế là ông Nguyễn H2 vay số tiền 29.077.683 đồng; ngày 15/5/2013 vay số tiền 8.000.000 đồng và ngày 17/7/2014 vay số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần vay trên với số tiền nợ gốc: 57.077.683 đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 3.479.900 đồng, tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 60.557.583 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H2, bà H1 phải trả số tiền trên cho Ngân hàng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 28/02/2017; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/6/2017; tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Kim A trình bày:

Vào ngày 27/4/2012, bà H1 có nhờ bà đứng tên vay Ngân hàng C- phòng giao dịch Sơn Tịnh số tiền 8.000.000 đồng, ông H2 đã trả tiền lãi cho Ngân hàng. Sau đó ông H2, bà H1 không trả, nên bà đã trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền là 8.818.400 đồng. Nay bà yêu cầu ông H2, bà H1 phải trả cho bà số tiền gốc và lãi là 8.818.400 đồng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 23/02/2017; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/6/2017; tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng ông H2, bà H1 có nhờ bà đứng tên vay Ngân hàng C- phòng giao dịch Sơn Tịnh số tiền 8.000.000 đồng, ông Nguyễn H2 đã trả tiền lãi cho Ngân hàng đến tháng 3/2016. Sau đó ông H2, bà H1 không tiếp tục trả, nên bà đã trả số

tiền gốc và lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền là 8.818.400 đồng. Nay bà yêu cầu ông H2, bà H1 phải trả cho bà số tiền gốc và lãi là 8.818.400 đồng.

Tại văn bản trình bày ngày 21/7/2016, tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã N ông Nguyễn A1 trình bày:

Vào năm 2015 Hợp tác xã nông nghiệp G có cho ông H2, bà H1 thuê diện tích đất để làm xưởng mộc. Đến năm 2016, ông H2, bà H1 còn nợ lại Hợp tác xã G số tiền là 7.200.000đồng. Nay hợp tác xã G đã nhập vào Hợp Tác xã N. Nay yêu cầu ông H2, bà H1 phải trả số tiền còn nợ là 7.200.000đồng cho Hợp Tác xã N.

Tại đơn yêu cầu ngày 20/12/2016; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/6/2017; tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị H, ông Trần Minh T2 trình bày:

Vào ngày 22/01/2016 (âm lịch) ông H2 có đến nhà bà Lê Thị H mượn số tiền 15.000.000 đồng, đến nay ông H2 chưa trả, nên ông yêu cầu một mình ông H2 phải trả cho bà Lê Thị H số tiền 15.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu ngày 16/5/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/6/2017; tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức H3 trình bày:

Năm 2014 và năm 2015, ông H2 làm nghề có lấy hàng của ông nhiều lần và còn nợ lại ông số tiền 12.000.000đồng. Nay ông yêu cầu ông H2, bà H1 có nghĩa vụ trả cho ông số tiền là 12.000.000đồng, vì số tiền nợ này phát sinh lúc ông H2, bà H1 còn quan hệ vợ chồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn H2:

Luật sư Phan T V trình bày:

Bà Nguyễn Thị H1 với ông Nguyễn H2 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự do Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh giải quyết. Sau khi giải quyết ly hôn thì tài sản chung giữa bà H1 với ông H2 tự thỏa thuận giải quyết nhưng sau khi ly hôn bà H1 với ông H2 không tự giải quyết được về tài sản chung, nên yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng pháp luật.

Tài sản chung của ông H2, bà H1 hiện nay ông H2 đang quản lý mà Hội đồng định giá đã định giá ngày 25/11/2016 có giá trị là 481.547.100 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử giao các tài sản trên cho ông Nguyễn H2 nhận và ông H2 có nghĩa vụ T toán các khoản nợ chung của ông H2, bà H1, sau khi T toán nợ chung, số tiền còn lại ông H2 có nghĩa vụ chia cho bà H1 $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung còn lại là phù hợp với Điều 213, Điều 219 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 37, Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh tại phiên tòa:

Về Tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn H2 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Sau khi giải quyết ly hôn, thì tài sản chung giữa bà H1 với ông H2 không tự giải quyết được về tài sản chung, nên yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng pháp luật.

Về tài sản chung ông H2 và bà H1 thống nhất tài sản chung gồm:

Nhà cấp 4 làm trên diện tích đất 147,1m²; xưởng làm đồ mộc lợp tôn, trụ bê tông xây dựng trên diện tích đất 400m² (thuê của Hợp tác xã G), 01 Máy lọng, 01 máy liên hợp, 01 máy tôbi, 01 máy bơm định và các phụ kiện khác, bộ bàn salon, 01 Tủ Bích phê, 02 tủ đựng quần áo, 01 máy xay cám. Về gỗ: 01m³ gỗ Cẩm Lai, 01m³ gỗ Hương, 03m³ gỗ Mít và các tài sản khác mà Hội đồng định giá ngày 25/11/2016 xác định có giá trị tài sản chung là 481.547.100 đồng.

Nên đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ tài sản chung mà Hội đồng định giá tài sản ngày 25/11/2016 có giá trị là 481.547.100 đồng, cho ông Nguyễn H2 nhận.

Về nợ ông H2 và bà H1 thống nhất có nợ: Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Ngãi số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 231.745.833 đồng; nợ Ngân hàng C- phòng giao dịch Sơn Tịnh tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 60.557.583 đồng; nợ Hợp tác xã G 7.200.000 đồng; nợ ông Bùi Đức H3 số tiền là 12.000.000đồng, nên bà H1, ông H2 đều có nghĩa vụ trả các khoản nợ chung trên; phần tài sản chung sau khi trả nợ chung còn lại ông H2 chia cho bà H1 ½ giá trị.

Ông H2 không thống nhất nợ chị Vũ Kim A số tiền 8.818.400 đồng, nợ chị Nguyễn Thị T 8.818.400 đồng; bà A và bà T không có tài liệu, chứng minh ông H2 nhờ vay giúp, nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ tự trả cho bà A, bà T số tiền này.

Đối với số tiền ông Nguyễn H2 mượn bà Lê Thị H 15.000.000 đồng ngày 22/01/2016 để mua máy tính cho con, nay bà H yêu cầu ông H2 trả, nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H2 có nghĩa vụ tự trả cho bà Lê Thị H.

Đối với tiền án phí, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để buộc các đương sự chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn với ông Nguyễn H2 và hiện ông H2 đang trú tại thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, nên Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh đã thụ lý vụ án dân sự tranh chấp: “*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 213 Bộ luật dân sự 2015;

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn H2 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, nhưng không thống nhất được với nhau về phân chia tài sản chung, nên đề nghị Tòa án chia các tài sản bao gồm:

Theo kết quả định giá tài sản ngày 25 tháng 11 năm 2016, tài sản chung của bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn H2 gồm có:

Thửa đất số 653, tờ bản đồ số 17 xã Tịnh Hà diện tích đo đạc thực tế là 147,1m²; giá 01m² là 2.200.000đồng/m²; 147,1m² có giá là 323.620.000đồng.

Nhà xây dựng trên diện tích đất 147,1m² gồm nhà trên cấp (IVC) diện tích 46m², kết cấu mái lợp ngói trị giá 47.587.000đồng; nhà dưới (NK1) diện tích 19,7m² mái lợp tôn Pro xi măng trị giá 30.810.800đồng, mái hiên phía trước nhà

dưới (NK5) diện tích 46,3m² trị giá 16.714.300đồng, mái hiên trước nhà trên (NK5) 15m² trị giá 5.415.000đồng, tổng giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất 100.527.100đồng.

Các tài sản khác gồm: 01 Máy lọng trị giá 4.000.000đồng, 01 máy Liên hợp trị giá 4.000.000đồng, 01 máy Rôbe trị giá 3.000.000đồng, 01 Tủ bích phê trị giá 2.000.000đồng, 01 Bộ salon trị giá 12.000.000đồng, 01 tủ đứng gỗ dùng để treo đồ trị giá 5.000.000đồng, 01 tủ đứng gỗ dùng để treo đồ mặt trước áp gương trị giá 4.000.000đồng, 01 Tủ đựng dép trị giá 1.000.000đồng, 01 Tủ lạnh VTB trị giá 300.000đồng, 01 Tivi Sam sung trị giá 300.000đồng, 01 máy giặt LG trị giá 2.000.000đồng, 01 máy nghiền (say xác) trị giá 3.000.000đồng, 01 máy dùng để bắn đinh trị giá 500.000đồng, 01 máy khoan trị giá 150.000đồng, 01 máy bào trị giá 150.000đồng, 01 máy tăng trị giá 200.000đồng, 02 giường nằm trị giá 800.000đồng, 01 Bộ tay vịn ghế salon trị giá 3.000.000đồng, 02 mặt khung dài 2,4m và 06 mặt ghế salon trị giá 4.000.000đồng, 0,8m³ gỗ Mít trị giá 8.000.000đồng, tổng tài sản chung khác có giá là 57.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 481.547.100 đồng. (Bốn trăm tám mươi một triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm đồng).

Ngoài những tài sản trên bà H1 khai còn có: 01m³ gỗ Cẩm Lai, 01m³ gỗ Hương, 03m³ gỗ Mít nhưng tại buổi định giá chỉ có 0,8m³ gỗ Mít còn đối với gỗ Hương và gỗ Cẩm lai không có, nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với bị đơn ông Nguyễn H2 còn yêu cầu chia 01 lục bình mặt gỗ Gõ giá trị 15.000.000 đồng, nhưng tại buổi định giá không có, nên Hội đồng xét xử không xét. Đồng thời sau khi định giá tài sản, Tòa án đã có Thông báo về kết quả định giá tài sản nhưng không ai có ý kiến gì. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận chia những tài sản mà bà H1, ông H2 khai nhưng không có.

Hội đồng xét xử chỉ xem xét chia những tài sản chung mà hiện tại còn và đã định giá.

Tại phiên tòa ông H2, bà H1 đều thừa nhận nợ chung như sau: Nợ Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Ngãi số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 08/9/2017 là 31.745.833đồng, tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 231.745.833 đồng. Khi vay tiền vợ chồng bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn H2 đã thế chấp nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 17 xã Tịnh Hà cho Ngân hàng để vay tiền. Nên nhà gắn liền trên thửa đất số 653, tờ bản đồ số 17 xã Tịnh Hà là tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà H1, ông H2 tại Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng tín dụng ngày 03/9/2015. Nợ Ngân hàng C- phòng giao dịch huyện Sơn Tịnh tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 60.557.583 đồng, nợ Hợp tác xã N 7.200.000 đồng, nợ ông Bùi Đức H3 số tiền 12.000.000 đồng.

Đối với các khoản nợ bà Vũ Kim A 8.818.400 đồng và bà Nguyễn Thị T 8.818.400 đồng, ông H2 không thống nhất chịu trách nhiệm trả chung nhưng A và bà T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc vay mượn giúp cho ông H2, bà H1. Nên Hội đồng xét xử, không có cơ sở buộc ông H2 có trách nhiệm trả nợ cho bà A và bà T, mà buộc bà H1 chịu trách nhiệm trả nợ cho bà A và bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền nợ bà Lê Thị H 15.000.000 đồng, tại phiên tòa ông H2 thừa nhận ông mượn số tiền trên để mua máy tính cho con, nay là Lê Thị H yêu cầu một mình ông H2 trả, nên ông Nguyễn H2 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền 15.000.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 và bị đơn ông Nguyễn H2 đều muốn nhận tài sản chung là nhà và thửa đất số 653, nhưng thửa đất số 653, tờ bản đồ số 17 xã A, diện tích hiện nay là 147,1m² hiện đang thế chấp cho ngân hàng. Xét nhu cầu về chỗ ở mà bà H1, ông H2 yêu cầu là chính đáng, nên Hội đồng xét xử chia nhà và quyền sử dụng đất tại thửa 653, tờ bản đồ số 17 xã Tịnh Hà, diện tích đo đạc hiện nay là 147,1m² như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị H1 nhận:

Nhà dưới, mái hiên gắn liền với nhà dưới xây dựng trên diện tích đất 71,1m² một phần của thửa đất số 653, tờ bản đồ số 17 xã Tịnh Hà (nhà dưới có giá 30.810.800 đồng, mái hiên nhà dưới có giá 16.714.300 đồng, diện tích đất 71,1m² có giá 156.420.000 đồng); có giới cận như sau: Đông giáp đường Hà Giang- Tịnh Thợ; tây giáp đất ông Lê Văn H1, Bắc giáp đất ông Lê Văn I, Nam giáp đất chia cho ông Nguyễn H2 (Hình A, có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án).

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H1 được nhận bằng hiện vật là 203.945.100 đồng.

Giao cho ông Nguyễn H2 được nhận:

Nhà trên, mái hiên gắn liền với nhà trên xây dựng trên diện tích đất 76m², một phần của thửa đất số 653, tờ bản đồ số 17 xã Tịnh Hà (Nhà trên có giá 47.587.000 đồng, mái hiên nhà trên có giá 5.415.000 đồng, diện tích đất 76m² có giá 167.200.000 đồng, tổng giá trị tài sản bằng hiện vật nhà và đất là 220.202.000 đồng); có giới cận như sau: Đông giáp đường Hà Giang- Tịnh Thợ; tây giáp đất ông Lê Văn H1, Bắc giáp đất chia cho bà H1, Nam giáp đất ông Lê Văn H1 (Hình B, có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án).

Các tài sản khác gồm: 01 Máy lọng trị giá 4.000.000đồng, 01 máy Liên hợp trị giá 4.000.000đồng, 01 máy Rôbe trị giá 3.000.000đồng, 01 Tủ bích phê trị giá 2.000.000đồng, 01 Bộ salon trị giá 12.000.000đồng, 01 tủ đứng gỗ dùng để treo đồ trị giá 5.000.000đồng, 01 tủ đứng gỗ dùng để treo đồ mặt trước áp gương trị giá 4.000.000đồng, 01 Tủ đựng dép trị giá 1.000.000đồng, 01 Tủ lạnh VTB trị giá 300.000đồng, 01 Tivi Sam sung trị giá 300.000đồng, 01 máy giặt LG trị giá 2.000.000đồng, 01 máy nghiền (say xác) trị giá 3.000.000đồng, 01 máy dùng để bắn đinh trị giá 500.000đồng, 01 máy khoan trị giá 150.000đồng, 01 máy bào trị giá 150.000đồng, 01 máy tăng trị giá 200.000đồng, 02 giường nằm trị giá 800.000đồng, 01 Bộ tay vịn ghế salon trị giá 3.000.000đồng, 02 mặt khung dài 2,4m và 06 mặt ghế salon trị giá 4.000.000đồng, 0,8m³ gỗ Mít trị giá 8.000.000đồng với tổng giá trị các tài sản trên là 57.400.000 đồng giao cho ông H2 nhận.

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn H2 được nhận bằng hiện vật là 277.602.000 đồng.

Giá trị tài sản ông Nguyễn H2 được nhận bằng hiện vật nhiều hơn bà Nguyễn Thị H1 là 73.656.900 đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ chung:

Ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện Sơn Tịnh số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 60.557.583 đồng (trong đó số nợ gốc là 57.077.683 đồng và nợ lãi là 3.479.900 đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày tuyên án đến khi trả xong theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Đức H3 số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã N số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T chi nhánh tại Quảng Ngãi số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 15.872.916 đồng, tổng số tiền 115.872.916 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày tuyên án đến khi trả xong theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T chi nhánh tại Quảng Ngãi số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 15.872.916 đồng, tổng số tiền nợ 115.872.916 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi trả xong theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã N số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Kim A số tiền 8.818.400 đồng và trả cho bà Nguyễn Thị T 8.818.400 đồng.

Về chi phí định giá tài sản, đo đạc trong vụ án: Chi phí đo đạc, định giá hết số số tiền 4.800.000 đồng, nguyên đơn bà H1 và bị đơn ông H2 có đơn yêu cầu và mỗi bên đã nộp số tiền tương ứng, tại phiên tòa không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là 10.197.255 đồng và 6.875.485 đồng (137.509.716 đồng x 5%) án phí trả nợ, tổng số tiền án phí bà H1 phải nộp là 17.072.740 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.662.500 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002762 ngày 07/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh. Bà H1 còn phải nộp tiếp số tiền 5.410.240 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009;

Bị đơn ông Nguyễn H2 phải chịu án đối với phần tài sản được nhận là 13.880.100 đồng và án phí trả nợ là 10.331.524 đồng (206.630.499 đồng x 5%), tổng số tiền án phí ông H2 phải nộp là 24.211.624 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002832 ngày 18/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh. Ông Nguyễn H2 còn phải nộp tiếp số tiền 24.011.624 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 59, Điều 60, Điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 219, Điều 351, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn H2:

Về tài sản chung chia như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị H1 nhận:

Nhà dưới, mái hiên gắn liền với nhà dưới xây dựng trên diện tích đất 71,1m² một phần của thửa đất số 653, tờ bản đồ số 17 xã Tịnh Hà; có giới cận như sau: Đông giáp đường Hà Giang- Tịnh Thọ; tây giáp đất ông Lê Văn H1, Bắc giáp đất ông Lê Văn Minh, Nam giáp đất chia cho ông Nguyễn H2 (Hình A, có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án).

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H1 được nhận bằng hiện vật là 203.945.100 đồng.

Giao cho ông Nguyễn H2 được nhận:

Nhà trên, mái hiên gắn liền với nhà trên xây dựng trên diện tích đất 76m² một phần của thửa đất số 653, tờ bản đồ số 17 xã Tịnh Hà; có giới cận như sau: Đông giáp đường Hà Giang- Tịnh Thọ; Tây giáp đất ông Lê Văn H1, Bắc giáp đất chia cho bà H1, Nam giáp đất ông Lê Văn H1 (Hình B, có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án).

Tài sản khác gồm: 01 Máy lọng trị giá 4.000.000đồng, 01 máy Liên hợp trị giá 4.000.000đồng, 01 máy Rôbe trị giá 3.000.000đồng, 01 Tủ bích phê trị giá 2.000.000đồng, 01 Bộ salon trị giá 12.000.000đồng, 01 tủ đứng gỗ dùng để treo đồ trị giá 5.000.000đồng, 01 tủ đứng gỗ dùng để treo đồ mặt trước áp gương trị giá 4.000.000đồng, 01 Tủ đựng dép trị giá 1.000.000đồng, 01 Tủ lạnh VTB trị giá 300.000đồng, 01Tivi Sam sung trị giá 300.000đồng, 01 máy giặt LG trị giá 2.000.000đồng, 01 máy nghiền (say xác) trị giá 3.000.000đồng, 01 máy dùng để bắn đinh trị giá 500.000đồng, 01 máy khoan trị giá 150.000đồng, 01 máy bào trị giá 150.000đồng, 01 máy tăng trị giá 200.000đồng, 02 giường nằm trị giá 800.000đồng, 01 Bộ tay vịn ghế salon trị giá 3.000.000đồng, 02 mặt khung dài 2,4m và 06 mặt ghế salon trị giá 4.000.000đồng, 0,8m³ gỗ Mít trị giá 8.000.000đồng. Tổng giá trị các tài sản trên là 57.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn H2 được nhận bằng hiện vật là 277.602.000 đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ chung:

Ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C- phòng giao dịch Sơn Tịnh số tiền gốc là 57.077.683 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 3.479.900 đồng, tiền gốc và lãi là 60.557.583 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày tuyên án đến khi trả xong theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Đức H3 số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã N số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T chi nhánh tại Quảng Ngãi số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 15.872.916 đồng, tổng số tiền là 115.872.916 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi trả xong theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T chi nhánh tại Quảng Ngãi số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 15.872.916 đồng, tổng số tiền 115.872.916 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi trả xong theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn H2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền gốc vay theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2015/7799269 HĐTD ngày 03/9/2015 từ ngày 09/9/2017 cho đến khi T toán xong.

Nếu bà H1, ông H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T chi nhánh tại Quảng Ngãi thì tài sản thế chấp được xử lý tại giai đoạn thi hành án.

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã N số tiền 4.00.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Về nghĩa vụ trả nợ riêng:

Ông Nguyễn H2 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ T toán cho bà Vũ Kim A số tiền 8.818.400 đồng (Tám triệu tám trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng) và T toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 8.818.400 đồng (Tám triệu tám trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 phải nộp là 17.072.740 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.662.500 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002762 ngày 07/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, bà H1 còn phải nộp tiếp số tiền 5.410.240 đồng (Năm triệu bốn trăm mười nghìn hai trăm bốn chục đồng).

Bị đơn ông Nguyễn H2 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 24.211.624 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002832 ngày 18/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, ông Nguyễn H2 còn phải nộp tiếp số tiền 24.011.624 đồng (Hai mươi bốn triệu không trăm mười một nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng).

Bà Nguyễn Thị T không chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 220.500 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003176 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh. Tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị H1 nộp thay.

Bà Vũ Kim A không chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 220.500 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003177 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh. Tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị H1 nộp thay.

Ngân hàng T chi nhánh Quảng Ngãi không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng T chi nhánh Quảng Ngãi số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 5.135.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002841 ngày 25/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Lâm Ngọc Nghĩa

